

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG  
**PHƯƠNG NAM**



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM  
Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783  
Hot line : 0919797284 - 0919986829  
E-mail : [moitruongphuongnam@gmail.com](mailto:moitruongphuongnam@gmail.com)  
Website : [www.moitruongphuongnam.com](http://www.moitruongphuongnam.com)



**PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682**

**PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**

Mã phiếu: 230450

- Địa điểm lấy mẫu** : CÔNG TY TNHH ẮC QUY GS VIỆT NAM – NHÀ MÁY THỨ HAI  
Địa chỉ: Số 38 VSIP, đường số 6, KCN Việt Nam – Singapore, phường Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương
- Phân loại mẫu** : Khí thải tại nguồn
- Ngày lấy mẫu** : 15/02/2023
- Ngày trả kết quả** : 24/02/2023

| Điểm đo / Chỉ tiêu                                                                 | Lưu lượng<br>$m^3/h$ | Bụi tổng<br>$mg/Nm^3$ | Pb và hợp chất,<br>tính theo Pb<br>$mg/Nm^3$ |
|------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-----------------------|----------------------------------------------|
| OKB1: Ống thoát khí thải từ hệ thống xử lý bụi 01 (Tọa độ - X: 1209697, Y: 607606) | 18.512               | 47                    | 2,49                                         |
| Phương pháp đo, xác định                                                           | US EPA<br>METHOD 2   | US EPA<br>Method 5    | US EPA<br>Method 29                          |
| QCVN 19:2009/BTNMT<br>Cột B ( $K_v = 1$ ; $K_p = 0,8$ )                            | -                    | 160                   | 4                                            |

TL. Trưởng phòng phân tích

Phạm Lê Hoàng Duy



Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

**Ghi chú :**

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
  - Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG  
**PHƯƠNG NAM**



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM  
Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783  
Hot line : 0919797284 - 0919986829  
E-mail : [moitruongphuongnam@gmail.com](mailto:moitruongphuongnam@gmail.com)  
Website : [www.moitruongphuongnam.com](http://www.moitruongphuongnam.com)



**PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682**

**PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**

Mã phiếu: 230451

- Địa điểm lấy mẫu** : CÔNG TY TNHH ÁC QUY GS VIỆT NAM – NHÀ MÁY THỨ HAI  
Địa chỉ: Số 38 VSIP, đường số 6, KCN Việt Nam – Singapore, phường Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương
- Phân loại mẫu** : Khí thải tại nguồn
- Ngày lấy mẫu** : 15/02/2023
- Ngày trả kết quả** : 24/02/2023

| Điểm đo                                                                             | Chỉ tiêu | Lưu lượng<br>$\text{m}^3/\text{h}$ | Bụi tổng<br>$\text{mg}/\text{Nm}^3$ | Pb và hợp chất,<br>tính theo Pb<br>$\text{mg}/\text{Nm}^3$ |
|-------------------------------------------------------------------------------------|----------|------------------------------------|-------------------------------------|------------------------------------------------------------|
| OKB2: Ống thoát khí thải từ hệ thống xử lý bụi 02 (Tọa độ - X: 1209659, Y: 0607602) |          | 20.963                             | 28                                  | 1,76                                                       |
| Phương pháp đo, xác định                                                            |          | US EPA<br>METHOD 2                 | US EPA<br>Method 5                  | US EPA<br>Method 29                                        |
| QCVN 19:2009/BTNMT<br>Cột B ( $K_v = 1$ ; $K_p = 0,8$ )                             |          | -                                  | 160                                 | 4                                                          |

TL. Trưởng phòng phân tích

Phạm Lê Hoàng Duy



Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

**Ghi chú :**

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.

QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ





VILAS 682

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG  
**PHƯƠNG NAM**



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM  
Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783  
Hot line : 0919797284 - 0919986829  
E-mail : [moitruongphuongnam@gmail.com](mailto:moitruongphuongnam@gmail.com)  
Website : [www.moitruongphuongnam.com](http://www.moitruongphuongnam.com)



**PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682**

**PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**

Mã phiếu: 230453

- Địa điểm lấy mẫu** : CÔNG TY TNHH ÁC QUY GS VIỆT NAM – NHÀ MÁY THỨ HAI  
Địa chỉ: Số 38 VSIP, đường số 6, KCN Việt Nam – Singapore, phường Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương
- Phân loại mẫu** : Khí thải tại nguồn
- Ngày lấy mẫu** : 15/02/2023
- Ngày trả kết quả** : 24/02/2023

| Chỉ tiêu                                                                            | Lưu lượng<br>$m^3/h$ | Bụi tổng<br>$mg/Nm^3$ | Pb và hợp chất,<br>tính theo Pb<br>$mg/Nm^3$ |
|-------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-----------------------|----------------------------------------------|
| Điểm đo                                                                             |                      |                       |                                              |
| OKB4: Ống thoát khí thải từ hệ thống xử lý bụi 04 (Tọa độ - X: 1209660, Y: 0607614) | 24.144               | 58                    | 2,60                                         |
| Phương pháp đo, xác định                                                            | US EPA<br>METHOD 2   | US EPA<br>Method 5    | US EPA<br>Method 29                          |
| QCVN 19:2009/BTNMT<br>Cột B ( $K_v = 1$ ; $K_p = 0,8$ )                             | -                    | 160                   | 4                                            |

TL. Trưởng phòng phân tích

Phạm Lê Hoàng Duy



Nguyễn Thị Ngọc Báu

**Ghi chú :**

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
  - Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ



CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG  
**PHƯƠNG NAM**



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM  
Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783  
Hot line : 0919797284 - 0919986829  
E-mail : [moitruongphuongnam@gmail.com](mailto:moitruongphuongnam@gmail.com)  
Website : [www.moitruongphuongnam.com](http://www.moitruongphuongnam.com)



**PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682**

**PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**

Mã phiếu: 230398

- Địa điểm lấy mẫu** : CÔNG TY TNHH ÁC QUY GS VIỆT NAM – NHÀ MÁY THỨ HAI  
Địa chỉ: Số 38 VSIP, đường số 6, KCN Việt Nam – Singapore, phường Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương
- Phân loại mẫu** : Khí thải tại nguồn
- Ngày lấy mẫu** : 14/02/2023
- Ngày trả kết quả** : 24/02/2023

| Chỉ tiêu                                                                           | Lưu lượng<br>$m^3/h$ | Bụi tổng<br>$mg/Nm^3$ | Pb và hợp chất,<br>tính theo Pb<br>$mg/Nm^3$ |
|------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-----------------------|----------------------------------------------|
| Điểm đo                                                                            |                      |                       |                                              |
| OKB5: Ống thoát khí thải từ hệ thống xử lý bụi 05 (Tọa độ - X: 1209705, Y: 607601) | 26.668               | 75                    | 3,40                                         |
| Phương pháp đo, xác định                                                           | US EPA<br>METHOD 2   | US EPA<br>Method 5    | US EPA<br>Method 29                          |
| QCVN 19:2009/BTNMT<br>Cột B ( $K_v = 1$ ; $K_p = 0,8$ )                            | -                    | 160                   | 4                                            |

TL. Trưởng phòng phân tích

Phạm Lê Hoàng Duy



Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

**Ghi chú :**

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG  
**PHƯƠNG NAM**



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM  
Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783  
Hot line : 0919797284 - 0919986829  
E-mail : [moitruongphuongnam@gmail.com](mailto:moitruongphuongnam@gmail.com)  
Website : [www.moitruongphuongnam.com](http://www.moitruongphuongnam.com)



**PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682**

**PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**

Mã phiếu: 230399

- Địa điểm lấy mẫu** : CÔNG TY TNHH ÁC QUY GS VIỆT NAM – NHÀ MÁY THỨ HAI  
Địa chỉ: Số 38 VSIP, đường số 6, KCN Việt Nam – Singapore, phường Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương
- Phân loại mẫu** : Khí thải tại nguồn
- Ngày lấy mẫu** : 14/02/2023
- Ngày trả kết quả** : 24/02/2023

| Điểm đo                                                                            | Chỉ tiêu | Lưu lượng<br>$m^3/h$ | Bụi tổng<br>$mg/Nm^3$ | Pb và hợp chất,<br>tính theo Pb<br>$mg/Nm^3$ |
|------------------------------------------------------------------------------------|----------|----------------------|-----------------------|----------------------------------------------|
| OKB6: Ống thoát khí thải từ hệ thống xử lý bụi 06 (Tọa độ - X: 1209732, Y: 607590) |          | 18.353               | 42                    | 2,44                                         |
| Phương pháp đo, xác định                                                           |          | US EPA<br>METHOD 2   | US EPA<br>Method 5    | US EPA<br>Method 29                          |
| QCVN 19:2009/BTNMT<br>Cột B ( $K_v = 1$ ; $K_p = 0,8$ )                            |          | -                    | 160                   | 4                                            |

TL. Trưởng phòng phân tích

Phạm Lê Hoàng Duy



Nguyễn Thị Ngọc Báu

**Ghi chú :**

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ



CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG  
**PHƯƠNG NAM**



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM  
Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783  
Hot line : 0919797284 - 0919986829  
E-mail : [moitruongphuongnam@gmail.com](mailto:moitruongphuongnam@gmail.com)  
Website : [www.moitruongphuongnam.com](http://www.moitruongphuongnam.com)



**PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682**

**PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**

Mã phiếu: 230400

- Địa điểm lấy mẫu** : CÔNG TY TNHH ÁC QUY GS VIỆT NAM – NHÀ MÁY THỨ HAI  
Địa chỉ: Số 38 VSIP, đường số 6, KCN Việt Nam – Singapore, phường Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương
- Phân loại mẫu** : Khí thải tại nguồn
- Ngày lấy mẫu** : 14/02/2023
- Ngày trả kết quả** : 24/02/2023

| Điểm đo                                                                            | Chỉ tiêu                                       | Lưu lượng<br>m <sup>3</sup> /h | Bụi tổng<br>mg/Nm <sup>3</sup> | Pb và hợp chất,<br>tính theo Pb<br>mg/Nm <sup>3</sup> | H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub> hoặc SO <sub>3</sub><br>(tính theo SO <sub>3</sub> )<br>mg/Nm <sup>3</sup> |
|------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|--------------------------------|--------------------------------|-------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| OKT1: Ống thoát khí thải từ hệ thống xử lý khí 01 (Tọa độ - X: 1209643, Y: 607503) |                                                | 31.281                         | 38                             | 0,67                                                  | 30,4                                                                                                      |
|                                                                                    | Phương pháp đo, xác định                       | US EPA Method 2                | US EPA Method 5                | US EPA Method 29                                      | US EPA Method 8                                                                                           |
|                                                                                    | QCVN 19:2009/BTNMT<br>Cột B (Kv = 1; Kp = 0,8) | -                              | 160                            | 4                                                     | 40                                                                                                        |

| Điểm đo                                                                            | Chỉ tiêu                                       | SO <sub>2</sub><br>mg/Nm <sup>3</sup> | CO<br>mg/Nm <sup>3</sup> | NO <sub>x</sub><br>(tính theo NO <sub>2</sub> )<br>mg/Nm <sup>3</sup> |
|------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|---------------------------------------|--------------------------|-----------------------------------------------------------------------|
| OKT1: Ống thoát khí thải từ hệ thống xử lý khí 01 (Tọa độ - X: 1209643, Y: 607503) |                                                | KPH<br>(LOD=5,5)                      | KPH<br>(LOD=8,5)         | KPH<br>(LOD=4,2)                                                      |
|                                                                                    | Phương pháp đo, xác định                       | TCVN 7246:2003                        | TCVN 7242:2003           | TCVN 7245:2003                                                        |
|                                                                                    | QCVN 19:2009/BTNMT<br>Cột B (Kv = 1; Kp = 0,8) | 400                                   | 800                      | 680                                                                   |

TL. Trưởng phòng phân tích

Phạm Lê Hoàng Duy

Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu



**Ghi chú :**

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.

QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG  
**PHƯƠNG NAM**



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM  
Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783  
Hot line : 0919797284 - 0919986829  
E-mail : [moitruongphuongnam@gmail.com](mailto:moitruongphuongnam@gmail.com)  
Website : [www.moitruongphuongnam.com](http://www.moitruongphuongnam.com)



**PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682**

**PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**

Mã phiếu: 230401

- Địa điểm lấy mẫu** : CÔNG TY TNHH ÁC QUY GS VIỆT NAM – NHÀ MÁY THỨ HAI  
Địa chỉ: Số 38 VSIP, đường số 6, KCN Việt Nam – Singapore, phường Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương
- Phân loại mẫu** : Khí thải tại nguồn
- Ngày lấy mẫu** : 14/02/2023
- Ngày trả kết quả** : 24/02/2023

| Điểm đo                                                                            | Chỉ tiêu | Lưu lượng<br>m <sup>3</sup> /h | Bụi tổng<br>mg/Nm <sup>3</sup> | Pb và hợp chất,<br>tính theo Pb<br>mg/Nm <sup>3</sup> | H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub> hoặc SO <sub>3</sub><br>(tính theo SO <sub>3</sub> )<br>mg/Nm <sup>3</sup> |
|------------------------------------------------------------------------------------|----------|--------------------------------|--------------------------------|-------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| OKT2: Ống thoát khí thải từ hệ thống xử lý khí 02 (Tọa độ - X: 1209628, Y: 607507) |          | 30.446                         | 52                             | 0,72                                                  | 27,5                                                                                                      |
| Phương pháp đo, xác định                                                           |          | US EPA<br>Method 2             | US EPA<br>Method 5             | US EPA<br>Method 29                                   | US EPA<br>Method 8                                                                                        |
| QCVN 19:2009/BTNMT<br>Cột B (Kv = 1; Kp = 0,8)                                     |          | -                              | 160                            | 4                                                     | 40                                                                                                        |

| Điểm đo                                                                            | Chỉ tiêu | SO <sub>2</sub><br>mg/Nm <sup>3</sup> | CO<br>mg/Nm <sup>3</sup> | NO <sub>x</sub><br>(tính theo NO <sub>2</sub> )<br>mg/Nm <sup>3</sup> |
|------------------------------------------------------------------------------------|----------|---------------------------------------|--------------------------|-----------------------------------------------------------------------|
| OKT2: Ống thoát khí thải từ hệ thống xử lý khí 02 (Tọa độ - X: 1209628, Y: 607507) |          | KPH<br>(LOD=5,5)                      | KPH<br>(LOD=8,5)         | KPH<br>(LOD=4,2)                                                      |
| Phương pháp đo, xác định                                                           |          | TCVN<br>7246:2003                     | TCVN<br>7242:2003        | TCVN<br>7245:2003                                                     |
| QCVN 19:2009/BTNMT<br>Cột B (Kv = 1; Kp = 0,8)                                     |          | 400                                   | 800                      | 680                                                                   |

TL. Trưởng phòng phân tích

Phạm Lê Hoàng Duy



Nguyễn Thị Ngọc Báu

**Ghi chú :**

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ



CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG  
**PHƯƠNG NAM**



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM  
Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783  
Hot line : 0919797284 - 0919986829  
E-mail : [moitruongphuongnam@gmail.com](mailto:moitruongphuongnam@gmail.com)  
Website : [www.moitruongphuongnam.com](http://www.moitruongphuongnam.com)



**PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682**

**PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**

Mã phiếu: 230402

- Địa điểm lấy mẫu** : CÔNG TY TNHH ÁC QUY GS VIỆT NAM – NHÀ MÁY THỨ HAI  
Địa chỉ: Số 38 VSIP, đường số 6, KCN Việt Nam – Singapore, phường Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương
- Phân loại mẫu** : Không khí xung quanh
- Ngày lấy mẫu** : 14/02/2023
- Ngày trả kết quả** : 24/02/2023

| Điểm đo                                                        | Chỉ tiêu | Độ rung<br>dB  | H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub> <sup>(a)</sup><br>mg/m <sup>3</sup> | VOC <sub>s</sub> mg/m <sup>3</sup> |                             |
|----------------------------------------------------------------|----------|----------------|--------------------------------------------------------------------|------------------------------------|-----------------------------|
|                                                                |          |                |                                                                    | Benzen<br>mg/m <sup>3</sup>        | Toluen<br>mg/m <sup>3</sup> |
| XQ1: Khu vực cổng nhà máy<br>(Tọa độ - X: 1209722, Y: 0607618) |          | 37,6           | KPH<br>(LOD=0,0008)                                                | KPH<br>(LOD=0,003)                 | KPH<br>(LOD=0,033)          |
| <b>Phương pháp đo, xác định</b>                                |          | TCVN 6963:2001 | Niosh 7908                                                         | NIOSH Method 1501                  |                             |
| <b>QCVN 27:2010/BTNMT</b><br>Khu vực thông thường (6 – 21h)    |          | ≤ 70           | -                                                                  | -                                  | -                           |
| <b>QCVN 06:2009/BTNMT</b><br>(Trung bình 1 giờ)                |          | -              | <b>300</b>                                                         | <b>0,022</b>                       | <b>0,5</b>                  |

  

| Điểm đo                                                        | Chỉ tiêu | Bụi<br>mg/m <sup>3</sup> | SO <sub>2</sub><br>mg/m <sup>3</sup> | NO <sub>2</sub><br>mg/m <sup>3</sup> | CO<br>mg/m <sup>3</sup> | Bụi Pb<br>mg/m <sup>3</sup>       |
|----------------------------------------------------------------|----------|--------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------|-------------------------|-----------------------------------|
| XQ1: Khu vực cổng nhà máy<br>(Tọa độ - X: 1209722, Y: 0607618) |          | 0,247                    | 0,090                                | 0,082                                | < 8,33                  | KPH<br>(LOD = 0,00005)            |
| <b>Phương pháp đo, xác định</b>                                |          | TCVN 5067:1995           | TCVN 5971:1995                       | TCVN 6137:2009                       | HD85-PTCO               | TCVN 5067:1995+<br>TCVN 6152:1996 |
| <b>QCVN 05:2013/BTNMT</b><br>(Trung bình 1 giờ)                |          | <b>0,3</b>               | <b>0,35</b>                          | <b>0,2</b>                           | <b>30</b>               | -                                 |
| <b>QCVN 05:2013/BTNMT</b><br>(Trung bình 24 giờ)               |          | -                        | -                                    | -                                    | -                       | <b>0,0015</b>                     |

TL. Trưởng phòng phân tích

Phạm Lê Hoàng Duy



Nguyễn Thị Ngọc Báu

**Ghi chú :**

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- (a) : Chỉ tiêu có sự tham gia của Nhà thầu phụ COSHET (Vim 026);
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện
- QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh
- QCVN 06:2009/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh
- QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung



# CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM  
Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783  
Hot line : 0919797284 - 0919986829  
E-mail : [moitruongphuongnam@gmail.com](mailto:moitruongphuongnam@gmail.com)  
Website : [www.moitruongphuongnam.com](http://www.moitruongphuongnam.com)



**PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682**

## PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã phiếu: 230403

- Địa điểm lấy mẫu** : CÔNG TY TNHH ÁC QUY GS VIỆT NAM – NHÀ MÁY THỨ HAI  
Địa chỉ: Số 38 VSIP, đường số 6, KCN Việt Nam – Singapore, phường Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương
- Phân loại mẫu** : Không khí xung quanh
- Ngày lấy mẫu** : 14/02/2023
- Ngày trả kết quả** : 24/02/2023

| Điểm đo                                                                 | Chỉ tiêu | Độ rung<br>dB     | H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub> <sup>(a)</sup><br>mg/m <sup>3</sup> | VOC <sub>s</sub> mg/m <sup>3</sup> |                             |
|-------------------------------------------------------------------------|----------|-------------------|--------------------------------------------------------------------|------------------------------------|-----------------------------|
|                                                                         |          |                   |                                                                    | Benzen<br>mg/m <sup>3</sup>        | Toluen<br>mg/m <sup>3</sup> |
| XQ2: Khu vực hàng rào cuối nhà máy<br>(Tọa độ - X: 1209604, Y: 0607525) |          | 39,3              | KPH<br>(LOD=0,0008)                                                | KPH<br>(LOD=0,003)                 | KPH<br>(LOD=0,033)          |
| <b>Phương pháp đo, xác định</b>                                         |          | TCVN<br>6963:2001 | Niosh 7908                                                         | NIOSH<br>Method 1501               |                             |
| <b>QCVN 27:2010/BTNMT</b><br>Khu vực thông thường (6 – 21h)             |          | ≤ 70              | -                                                                  | -                                  | -                           |
| <b>QCVN 06:2009/BTNMT</b><br>(Trung bình 1 giờ)                         |          | -                 | 300                                                                | 0,022                              | 0,5                         |

  

| Điểm đo                                                                 | Chỉ tiêu | Bụi<br>mg/m <sup>3</sup> | SO <sub>2</sub><br>mg/m <sup>3</sup> | NO <sub>2</sub><br>mg/m <sup>3</sup> | CO<br>mg/m <sup>3</sup> | Bụi Pb<br>mg/m <sup>3</sup>       |
|-------------------------------------------------------------------------|----------|--------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------|-------------------------|-----------------------------------|
| XQ2: Khu vực hàng rào cuối nhà máy<br>(Tọa độ - X: 1209604, Y: 0607525) |          | 0,266                    | 0,089                                | 0,075                                | < 8,33                  | KPH<br>(LOD = 0,00005)            |
| <b>Phương pháp đo, xác định</b>                                         |          | TCVN<br>5067:1995        | TCVN<br>5971:1995                    | TCVN<br>6137:2009                    | HD85-<br>PTCO           | TCVN 5067:1995+<br>TCVN 6152:1996 |
| <b>QCVN 05:2013/BTNMT</b><br>(Trung bình 1 giờ)                         |          | 0,3                      | 0,35                                 | 0,2                                  | 30                      | -                                 |
| <b>QCVN 05:2013/BTNMT</b><br>(Trung bình 24 giờ)                        |          | -                        | -                                    | -                                    | -                       | 0,0015                            |

TL. Trưởng phòng phân tích

Phạm Lê Hoàng Duy



### Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- (a) : Chỉ tiêu có sự tham gia của Nhà thầu phụ COSHET (Vim 026);
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện
- QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh
- QCVN 06:2009/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh
- QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung





Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : [moitruongphuongnam@gmail.com](mailto:moitruongphuongnam@gmail.com)Website : [www.moitruongphuongnam.com](http://www.moitruongphuongnam.com)

VILAS 682

PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 &amp; VILAS 682

## PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã phiếu: 230404

1. Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH ÁC QUY GS VIỆT NAM – NHÀ MÁY THỨ HAI

Địa chỉ: Số 38 VSIP, đường số 6, KCN Việt Nam – Singapore, phường Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương

2. Phân loại mẫu : Không khí xung quanh3. Ngày lấy mẫu : 14/02/20234. Ngày trả kết quả : 24/02/2023

| Điểm đo                                                                                                                | Chỉ tiêu | Độ rung<br>dB  | H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub> <sup>(a)</sup><br>mg/m <sup>3</sup> | VOC <sub>s</sub> mg/m <sup>3</sup> |                             |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|----------------|--------------------------------------------------------------------|------------------------------------|-----------------------------|
|                                                                                                                        |          |                |                                                                    | Benzen<br>mg/m <sup>3</sup>        | Toluen<br>mg/m <sup>3</sup> |
| XQ3: Khu vực phía Tây, tiếp giáp với kho thành phẩm của Công ty TNHH URC Việt Nam<br>(Tọa độ - X: 1209651, Y: 0607506) |          | 38,8           | KPH<br>(LOD=0,0008)                                                | KPH<br>(LOD=0,003)                 | KPH<br>(LOD=0,033)          |
| Phương pháp đo, xác định                                                                                               |          | TCVN 6963:2001 | Niosh 7908                                                         | NIOSH Method 1501                  |                             |
| QCVN 27:2010/BTNMT<br>Khu vực thông thường (6 – 21h)                                                                   |          | ≤ 70           | -                                                                  | -                                  | -                           |
| QCVN 06:2009/BTNMT<br>(Trung bình 1 giờ)                                                                               |          | -              | 300                                                                | 0,022                              | 0,5                         |

| Điểm đo                                                                                                                | Chỉ tiêu | Bụi<br>mg/m <sup>3</sup> | SO <sub>2</sub><br>mg/m <sup>3</sup> | NO <sub>2</sub><br>mg/m <sup>3</sup> | CO<br>mg/m <sup>3</sup> | Bụi Pb<br>mg/m <sup>3</sup>       |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|--------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------|-------------------------|-----------------------------------|
| XQ3: Khu vực phía Tây, tiếp giáp với kho thành phẩm của Công ty TNHH URC Việt Nam<br>(Tọa độ - X: 1209651, Y: 0607506) |          | 0,268                    | 0,095                                | 0,085                                | < 8,33                  | KPH<br>(LOD = 0,00005)            |
| Phương pháp đo, xác định                                                                                               |          | TCVN 5067:1995           | TCVN 5971:1995                       | TCVN 6137:2009                       | HD85-PTCO               | TCVN 5067:1995+<br>TCVN 6152:1996 |
| QCVN 05:2013/BTNMT<br>(Trung bình 1 giờ)                                                                               |          | 0,3                      | 0,35                                 | 0,2                                  | 30                      | -                                 |
| QCVN 05:2013/BTNMT<br>(Trung bình 24 giờ)                                                                              |          | -                        | -                                    | -                                    | -                       | 0,0015                            |

TL. Trưởng phòng phân tích

Phạm Lê Hoàng Duy

Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

**Ghi chú :**

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- (a) : Chỉ tiêu có sự tham gia của Nhà thầu phụ COSHET (Vim 026);
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện
- QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh
- QCVN 06:2009/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh
- QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung



# CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM  
Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783  
Hot line : 0919797284 - 0919986829  
E-mail : [moitruongphuongnam@gmail.com](mailto:moitruongphuongnam@gmail.com)  
Website : [www.moitruongphuongnam.com](http://www.moitruongphuongnam.com)



**PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682**

## PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã phiếu: 230405

- Địa điểm lấy mẫu** : CÔNG TY TNHH ÁC QUY GS VIỆT NAM – NHÀ MÁY THỨ HAI  
Địa chỉ: Số 38 VSIP, đường số 6, KCN Việt Nam – Singapore, phường Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương
- Phân loại mẫu** : Không khí xung quanh
- Ngày lấy mẫu** : 14/02/2023
- Ngày trả kết quả** : 24/02/2023

| Điểm đo                                                                                           | Chỉ tiêu | Độ rung<br>dB  | H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub> <sup>(a)</sup><br>mg/m <sup>3</sup> | VOC <sub>s</sub> mg/m <sup>3</sup> |                             |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|----------------|--------------------------------------------------------------------|------------------------------------|-----------------------------|
|                                                                                                   |          |                |                                                                    | Benzen<br>mg/m <sup>3</sup>        | Toluen<br>mg/m <sup>3</sup> |
| XQ4: Khu vực phía Đông, tiếp giáp với Công ty cà phê Trần Quang (Tọa độ - X: 1209686, Y: 0607606) |          | 43,8           | KPH<br>(LOD=0,0008)                                                | KPH<br>(LOD=0,003)                 | KPH<br>(LOD=0,033)          |
| <b>Phương pháp đo, xác định</b>                                                                   |          | TCVN 6963:2001 | Niosh 7908                                                         | NIOSH Method 1501                  |                             |
| <b>QCVN 27:2010/BTNMT</b><br>Khu vực thông thường (6 – 21h)                                       |          | ≤ 70           | -                                                                  | -                                  | -                           |
| <b>QCVN 06:2009/BTNMT</b><br>(Trung bình 1 giờ)                                                   |          | -              | 300                                                                | 0,022                              | 0,5                         |

  

| Điểm đo                                                                                           | Chỉ tiêu | Bụi<br>mg/m <sup>3</sup> | SO <sub>2</sub><br>mg/m <sup>3</sup> | NO <sub>2</sub><br>mg/m <sup>3</sup> | CO<br>mg/m <sup>3</sup> | Bụi Pb<br>mg/m <sup>3</sup>       |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|--------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------|-------------------------|-----------------------------------|
|                                                                                                   |          |                          |                                      |                                      |                         |                                   |
| XQ4: Khu vực phía Đông, tiếp giáp với Công ty cà phê Trần Quang (Tọa độ - X: 1209686, Y: 0607606) |          | 0,248                    | 0,087                                | 0,076                                | < 8,33                  | KPH<br>(LOD = 0,00005)            |
| <b>Phương pháp đo, xác định</b>                                                                   |          | TCVN 5067:1995           | TCVN 5971:1995                       | TCVN 6137:2009                       | HD85-PTCO               | TCVN 5067:1995+<br>TCVN 6152:1996 |
| <b>QCVN 05:2013/BTNMT</b><br>(Trung bình 1 giờ)                                                   |          | 0,3                      | 0,35                                 | 0,2                                  | 30                      | -                                 |
| <b>QCVN 05:2013/BTNMT</b><br>(Trung bình 24 giờ)                                                  |          | -                        | -                                    | -                                    | -                       | 0,0015                            |

TL. Trưởng phòng phân tích

Phạm Lê Hoàng Duy



### Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- (a) : Chỉ tiêu có sự tham gia của Nhà thầu phụ COSHET (Vim 026);
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện
- QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh
- QCVN 06:2009/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh
- QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung



CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG  
**PHƯƠNG NAM**



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM  
Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783  
Hot line : 0919797284 - 0919986829  
E-mail : [moitruongphuongnam@gmail.com](mailto:moitruongphuongnam@gmail.com)  
Website : [www.moitruongphuongnam.com](http://www.moitruongphuongnam.com)



**PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682**

**PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**

Mã phiếu: 230454

- Địa điểm lấy mẫu** : CÔNG TY TNHH ÁC QUY GS VIỆT NAM – NHÀ MÁY THỨ HAI  
Địa chỉ: Số 38 VSIP, đường số 6, KCN Việt Nam – Singapore, phường Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương
- Phân loại mẫu** : Nước thải trước xử lý (Tọa độ - X: 1209690, Y: 607606)
- Ngày lấy mẫu** : 15/02/2023
- Ngày trả kết quả** : 24/02/2023

| TT | Chỉ tiêu phân tích                     | Đơn vị      | Kết quả            | Phương pháp phân tích |
|----|----------------------------------------|-------------|--------------------|-----------------------|
| 1  | pH                                     | -           | 1,29               | TCVN 6492:2011        |
| 2  | BOD <sub>5</sub> (ở 20 <sup>0</sup> C) | mg/l        | 95                 | TCVN 6001-1:2008      |
| 3  | COD                                    | mg/l        | 202                | SMEWW 5220C:2017      |
| 4  | Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)            | mg/l        | 110                | TCVN 6625:2000        |
| 5  | Amoni (tính theo N)                    | mg/l        | 4,20               | TCVN 5988:1995        |
| 6  | Tổng Nitơ                              | mg/l        | 13,4               | TCVN 6638:2000        |
| 7  | Tổng Photpho (tính theo P)             | mg/l        | 0,501              | SMEWW 4500.P.B&E:2017 |
| 8  | Dầu mỡ động thực vật                   | mg/l        | KPH<br>(LOD = 0,3) | SMEWW 5520B&F:2017    |
| 9  | Dầu mỡ khoáng                          | mg/l        | < LOQ = 1,0        | SMEWW 5520B&F:2017    |
| 10 | Sunfua                                 | mg/l        | KPH<br>(LOD=0,03)  | US EPA Method 376.2   |
| 11 | Clorua                                 | mg/l        | 60,7               | SMEWW 4500.Cl.B:2017  |
| 12 | Chì                                    | mg/l        | 17,8               | SMEWW 3113B:2017      |
| 13 | Tổng Coliforms                         | MPN /100 ml | < 3                | TCVN 6187-2:1996      |

TL. Trưởng phòng phân tích

Phạm Lê Hoàng Duy



Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

**Ghi chú :**

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu : 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng



# CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM  
Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783  
Hot line : 0919797284 - 0919986829  
E-mail : [moitruongphuongnam@gmail.com](mailto:moitruongphuongnam@gmail.com)  
Website : [www.moitruongphuongnam.com](http://www.moitruongphuongnam.com)



**PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682**

## PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã phiếu: 230455

- Địa điểm lấy mẫu** : CÔNG TY TNHH ẮC QUY GS VIỆT NAM – NHÀ MÁY THỨ HAI  
Địa chỉ: Số 38 VSIP, đường số 6, KCN Việt Nam – Singapore, phường Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương
- Phân loại mẫu** : Nước thải tại hồ ga đầu nối với KCN VSIP  
(Tọa độ - X: 1209709, Y: 607518)
- Ngày lấy mẫu** : 15/02/2023
- Ngày trả kết quả** : 24/02/2023

| TT | Chỉ tiêu phân tích                     | Đơn vị      | Kết quả               | Giới hạn tiếp nhận VSIP | Phương pháp phân tích |
|----|----------------------------------------|-------------|-----------------------|-------------------------|-----------------------|
| 1  | pH                                     | -           | 7,01                  | 6 – 9                   | TCVN 6492:2011        |
| 2  | BOD <sub>5</sub> (ở 20 <sup>0</sup> C) | mg/l        | 8                     | 400                     | TCVN 6001-1:2008      |
| 3  | COD                                    | mg/l        | 13                    | 600                     | SMEWW 5220C:2017      |
| 4  | Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)            | mg/l        | 12                    | 400                     | TCVN 6625:2000        |
| 5  | Amoni (tính theo N)                    | mg/l        | 4,20                  | 8                       | TCVN 5988:1995        |
| 6  | Tổng Nitơ                              | mg/l        | 7,85                  | 20                      | TCVN 6638:2000        |
| 7  | Tổng Photpho (tính theo P)             | mg/l        | 0,359                 | 5                       | SMEWW 4500.P.B&E:2017 |
| 8  | Dầu mỡ động thực vật                   | mg/l        | KPH<br>(LOD = 0,3)    | 16                      | SMEWW 5520B&F:2017    |
| 9  | Dầu mỡ khoáng                          | mg/l        | < LOQ = 1,0           | 5                       | SMEWW 5520B&F:2017    |
| 10 | Sunfua                                 | mg/l        | KPH<br>(LOD=0,03)     | 0,2                     | US EPA Method 376.2   |
| 11 | Clorua                                 | mg/l        | 34,0                  | 500                     | SMEWW 4500.Cl.B:2017  |
| 12 | Chì                                    | mg/l        | 0,026                 | 0,1                     | SMEWW 3113B:2017      |
| 13 | Tổng Coliforms                         | MPN /100 ml | 1,2 x 10 <sup>3</sup> | 5.000                   | TCVN 6187-2:1996      |

TL. Trưởng phòng phân tích

Phạm Lê Hoàng Duy

Giám đốc  
CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM  
T.P. GÒ VẤP - T.P. THỦ ĐỨC - TP. HCM

Nguyễn Thị Ngọc Báu

### Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu : 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng